

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 2 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2022/TLST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Quản Đình D – Sinh năm: 1956  
HKTT: thôn TV, xã ĐT, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội
- Bị đơn: Bà Quản Thị T – sinh năm: 1959  
HKTT: thôn TV, xã ĐT, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội
- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
  - + Anh Nguyễn Khắc T1 – sinh năm: 1982
  - + Chị Nguyễn Thị H – sinh năm: 1985
  - + Cháu Nguyễn Thị Bảo Th – sinh ngày: 05/4/2007
  - + Cháu Nguyễn Thế K – sinh ngày: 06/4/2013
  - + Cháu Nguyễn Thế A – sinh ngày: 11/7/2009

(Anh T, chị H là đại diện theo pháp luật của cháu Thế K và cháu Thế A; chị H và cháu Bảo Th có văn bản uỷ quyền cho anh T)

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Xác nhận nợ: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: Ngày 16/11/2017, bà Quản Thị T có vay của ông Quản Đình D số tiền là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); thời hạn vay là 05 năm; lãi suất là 10%/năm. Hai bên có ký hợp đồng vay tiền công chứng số 618/2017/HĐVT ngày 16/11/2017.

Bà Quản Thị T hiện còn nợ ông Quản Đình D số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), tiền lãi tính từ ngày 16/11/2017 đến hết ngày 31/12/2022 là:

500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi bà Quản Thị T phải thanh T trả ông Quản Đình D là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

Bà Quản Thị T đồng ý để ông Quản Đình D tiếp tục được giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR567739, vào sổ cấp giấy CH 05514 do UBND huyện Ứng Hòa cấp cho bà Quản Thị T vào ngày 26/12/2014 đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ 18, diện tích 152.7m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn TV, xã ĐT, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội.

2.2. Phương án trả nợ: các bên thỏa thuận thống nhất lộ trình trả nợ như sau:

Bà Quản Thị T có trách nhiệm thanh T trả ông Quản Đình D tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) trong thời hạn 04 năm kể từ năm 2023 thành 08 đợt cụ thể như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 20/6/2023, bà T có trách nhiệm thanh T trả ông D số tiền là 150.000.000 đồng.

- Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 20/12/2023 bà T có trách nhiệm thanh T trả ông D số tiền là 150.000.000 đồng.

- Đợt 3: Chậm nhất đến ngày 20/6/2024 bà T thanh T trả ông D số tiền là 150.000.000 đồng.

- Đợt 4: Chậm nhất đến ngày 20/12/2024 bà T có trách nhiệm thanh T trả ông D số tiền là 150.000.000 đồng.

- Đợt 5: Chậm nhất đến ngày 20/6/2025 bà T có trách nhiệm thanh T trả ông D số tiền là 200.000.000 đồng.

- Đợt 6: Chậm nhất đến ngày 20/12/2025 bà T có trách nhiệm thanh T trả ông D số tiền là 200.000.000 đồng.

- Đợt 7: Chậm nhất đến ngày 20/6/2026 bà T có trách nhiệm thanh T trả ông D số tiền là 200.000.000 đồng.

- Đợt 8: Chậm nhất đến ngày 20/12/2026 bà T có trách nhiệm thanh T trả ông D số tiền là 300.000.000 đồng.

Ông D miễn toàn bộ lãi suất phát sinh cho bà T kể từ 01/01/2023 cho đến khi tất T toàn bộ khoản nợ nêu trên nếu bà T thực hiện đúng cam kết trả nợ như trên.

Trường hợp bà Quản Thị T vi phạm bất kỳ đợt thanh T nào theo thỏa thuận nêu trên thì ông Quản Đình D có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành yêu cầu buộc bà Quản Thị T phải thanh T số tiền 1.500.000.000 đồng được trừ đi số tiền đã thanh T và phải chịu lãi suất theo Hợp đồng vay tiền đã ký kể từ thời điểm vi phạm trên dư nợ gốc còn lại tương ứng với thời gian chậm trả.

- Trường hợp bà T thanh T xong khoản nợ trên như đã thỏa thuận thì ông D phải có trách nhiệm trả lại cho bà T: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR567739, vào sổ cấp giấy CH 05514 do UBND huyện Ứng Hòa cấp cho bà Quản Thị T vào ngày 26/12/2014 đối với thửa đất số 367, tờ bản đồ 18, diện tích 152.7m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn TV, xã ĐT, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội hoặc khi các bên có sự thỏa thuận khác.

### **3. Về án phí:**

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là **28.500.000** đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về án phí dân sự sơ thẩm là: nguyên đơn và bị đơn mỗi bên tự nguyện nộp 1/2 án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là **14.250.000** đồng. (Mười bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Quản Đình D và bà Quản Thị T thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm tiền án phí, được Tòa án chấp nhận nên miễn tiền án phí cho ông Quản Đình D và bà Quản Thị T với số tiền án phí dân sự sơ thẩm của mỗi người là 14.250.000 đồng (Mười bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng.)

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tp. Hà Nội
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thanh Minh**